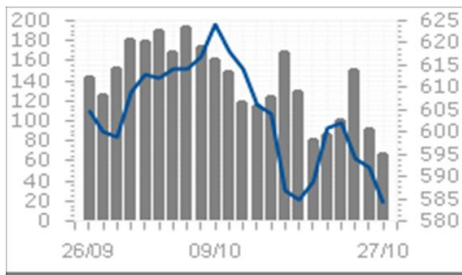


## HOSE

27/10/2014

VNINDEX	580.79	-10.72	-1.81%
KLGD	104,193,902	CP	
GTGD	1,754.49	Tỷ	
GTR NDTNN	7.32	Tỷ	
CP Tăng giá	38	CP	
CP Giảm giá	208	CP	
CP Đứng giá	58	CP	



## Tâm điểm

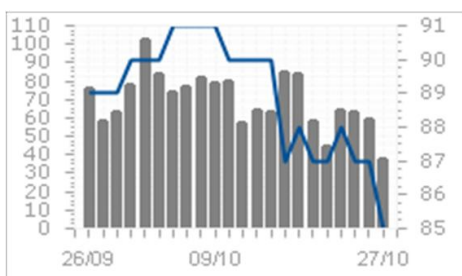
- ▶ **Đà giảm lan rộng chỉ số 2 sàn mất điểm mạnh**
- ▶ **Tổng khối lượng trên cả 2 sàn đều sụt giảm giá trị đạt 2500 tỷ đồng**  
Khối ngoại mua ròng bên HOSE và bán ròng bên HNX
- ▶ **TP.HCM dẫn đầu thu hút FDI**  
TP HCM thu hút 2.85 tỷ USD mới và tăng thêm  
Gafin
- ▶ **Vi phạm trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng sẽ bị phạt nặng**  
NĐ 96/2014 của CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và Economy
- ▶ **Các ngân hàng châu Âu thiếu 48 tỷ euro**
- DVO
- ▶ **OGC: Lãi 500 tỷ đồng từ thương vụ chuyển nhượng Ocean Retail**
- Vietstock
- ▶ **DLG: Quý 3 lãi ròng 25 tỷ đồng, gấp 118 lần cùng kỳ**

Vietstock

## HNX

27/10/2014

HNXINDEX	84.38	-2.67	-3.07%
KLGD	58,629,605	CP	
GTGD	780.99	Tỷ	
GTR NDTNN	-	31.11	Tỷ
CP Tăng giá	42	CP	
CP Giảm giá	170	CP	
CP Đứng giá	167	CP	



## VN30 & HNX30 INDEX

VN30	615.15	-14.37	-2.28%
HNX30	166.48	-6.91	-3.98%

## Thị trường / Ngành

### Theo thị trường

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
HOSE	1,060,708	14.6	2.9	19.5%	10.6%
HNX	142,657	14.5	1.9	9.0%	4.2%
<b>Toàn bộ thị trường</b>	<b>1,203,365</b>	<b>15.5</b>	<b>3.4</b>	<b>20.4%</b>	<b>10.3%</b>

### Theo ngành

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Nhựa, cao su & sợi	7,202	6.7	0.9	13.3%	8.8%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Thép và sản phẩm thép	20,087	9.3	1.5	15.9%	10.8%
Khai khoáng	37,763	15.9	2.1	20.4%	9.3%
Vật liệu xây dựng & Nội thất	12,299	102.9	6.3	-4.1%	-3.4%
Xây dựng	24,532	14.8	1.5	13.4%	7.6%
Máy công nghiệp	31,955	77.6	1.2	-2.1%	1.8%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	8,546	9.0	1.3	15.0%	10.2%
Lốp xe	11,019	8.7	1.5	18.9%	13.7%
Nuôi trồng nông & hải sản	8,592	11.2	2.9	25.4%	10.9%
Thực phẩm	20,749	11.5	1.8	17.7%	6.4%
Dược phẩm	195,665	23.9	4.1	20.6%	16.2%
Phần mềm	15,263	11.0	2.8	22.6%	14.9%
Sản xuất & phân phối điện	17,397	10.8	2.2	21.5%	9.2%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	26,878	12.4	1.4	11.7%	6.3%
Bảo hiểm nhân thọ	203,725	16.6	5.4	33.1%	22.6%
Môi giới chứng khoán	26,130	21.4	2.2	10.2%	2.1%
Ngân hàng	27,836	12.9	1.7	10.4%	7.6%
Bất động sản	234,840	10.9	1.1	10.6%	0.9%
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	196,442	18.5	5.1	24.6%	5.8%
	48,956	11.0	2.2	22.5%	9.4%

## Thống kê thị trường

- ▶ HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Vui lòng tham khảo điều khoản sử dụng ở trang cuối

VietinBankSc © 2013

## VietinBankSc

306 Ba Triệu  
Hai Ba Trưng  
Hanoi  
Vietnam  
Tel: (844) 3974 7952  
Fax: (844) 3974 1760  
www.vietinbanksc.com.vn

Trịnh Thị Thu Phương  
[thuphuong@vietinbanksc.com.vn](mailto:thuphuong@vietinbanksc.com.vn)

## TP.HCM dẫn đầu thu hút FDI

## Vi phạm trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng sẽ bị phạt nặng

## Các ngân hàng châu Âu thiếu 48 tỷ euro

Trịnh Thị Thu Phương  
[thuphuong@vietinbanksc.com.vn](mailto:thuphuong@vietinbanksc.com.vn)

## OGC: Lãi 500 tỷ đồng từ thương vụ chuyển nhượng Ocean Retail

## DLG: Quý 3 lãi ròng 25 tỷ đồng, gấp 118 lần cùng kỳ

## Chi phí giảm, VIPCO lãi quý III/2014 tăng 36%

### ► Tin kinh tế

Cục Đầu tư nước ngoài cho biết trong báo cáo tình hình FDI 10 tháng năm 2014 cho biết TP.HCM là nơi dẫn đầu về thu hút FDI với 2,85 tỉ USD vốn đăng ký mới và tăng thêm, con số này chiếm 20,8% tổng vốn đầu tư FDI cả nước. Tính từ đầu năm đến nay, đã có 56 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư tại Việt Nam. Trong đó Hàn Quốc dẫn đầu với tổng vốn đầu tư đăng ký cấp mới và tăng thêm 3,6 tỉ USD, chiếm 26,3% tổng vốn FDI vào Việt Nam. Singapore đứng vị trí thứ hai với 2,64 tỉ USD, chiếm 19,3% tổng vốn đầu tư. Kế đến là Hong Kong, Nhật.

Thủ tướng vừa ký ban hành Nghị định 96/2014 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng. Theo đó, từ ngày 12/12/2014, các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng sẽ có mức phạt lên tới hàng trăm triệu đồng đối với cá nhân, hàng tỷ đồng đối với tổ chức. Mức xử phạt bằng tiền đối với các hành vi vi phạm tại Nghị định 96/2014 được áp dụng theo Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, đặc biệt là những hành vi vi phạm gây mất an toàn, vi phạm để ảnh hưởng đến việc thực thi chính sách tiền tệ sẽ bị áp dụng mức xử phạt nặng như vi phạm về quản lý và sử dụng giấy phép; vi phạm quy định về hoạt động ngoại hối và kinh doanh vàng; vi phạm về bảo đảm an toàn hoạt động của tổ chức tín dụng...

Theo công bố chính thức do Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) phát đi chiều qua 26/10, đã có 25 trên tổng số 130 ngân hàng tại khu vực đồng tiền chung châu Âu trượt bài kiểm tra mức độ chịu đựng tài chính đặt trong bối cảnh khủng hoảng (stress test). Các ngân hàng này phải tiến hành tăng vốn thêm 25 tỷ euro. Riêng 14 ngân hàng trong số đó cần phải tăng 15 tỷ euro vốn ngay trong năm nay. Bên cạnh đó, nhìn chung các ngân hàng châu Âu phải nâng tổng nguồn vốn 48 tỷ euro.

### ► Tin doanh nghiệp

Theo Ban lãnh đạo Tập đoàn Đại Dương (HOSE: OGC), một trong những nhân tố để Tập đoàn có thể tự tin về sự tăng trưởng lợi nhuận của cả năm 2014 là sự thành công của thương vụ chuyển nhượng CTCP Bán lẻ và Quản lý bất động sản Đại Dương (Ocean Retail). Lợi nhuận quý 3/2014 sẽ vượt kế hoạch đề ra trong kỳ và cả năm 2014 cũng sẽ vượt kế hoạch cả năm. Trước chuyển nhượng, OGC sở hữu 89% cổ phần của Ocean Retail. Theo đó, sau thương vụ chuyển nhượng cho Vingroup (HOSE: VIC) với tổng lãi là 500 tỷ đồng thì riêng OGC lãi 445 tỷ đồng tương ứng với số cổ phần sở hữu nói trên.

CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai (HOSE: DLG) thông báo kết quả kinh doanh Quý 3/2014: Doanh thu thuần quý 3 của DLG là 191 tỷ đồng, tăng 80% so cùng kỳ 2013. Giá vốn chiếm 176 tỷ đồng nên lãi gộp ở mức gần 15 tỷ đồng, ứng với tỷ suất lãi gộp biên 7.8%. Hoạt động tài chính kỳ này mang về cho DLG 15 tỷ đồng lợi nhuận trong khi cùng kỳ âm 13 tỷ đồng. Sau khi trừ các loại chi phí, DLG lãi ròng 25 tỷ đồng, gấp tới 118 lần cùng kỳ. Theo DLG nguồn thu trong quý 3 đến từ mảng nông nghiệp, với 1500 ha bắp được canh tác hoàn toàn cơ giới hóa đã đóng góp đến 70% lợi nhuận quý 3/2014. Lũy kế 9 tháng, DLG ghi nhận lãi ròng gần 44 tỷ đồng, gấp 16 lần 9 tháng 2014.

Công ty cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO (HOSE: VIP) công bố báo cáo tài chính quý III/2014: Lũy kế 9 tháng đầu năm, VIPCO đạt 525,9 tỷ đồng doanh thu thuần, giảm gần 15% so với cùng kỳ và bằng 71% kế hoạch năm. Biên lợi nhuận gộp 9 tháng giảm từ 23% xuống 18%. Lợi nhuận sau thuế đạt 23,95 tỷ đồng, bằng 80% kế hoạch năm. Riêng quý 3/2014 lợi nhuận đạt 16,5 tỷ đồng, tăng 35% so với cùng kỳ, mặc dù biên lợi nhuận gộp từ hoạt động chính của Công ty giảm từ 28% xuống 20% do doanh thu thuần giảm 9% trong khi giá vốn hàng bán giữ nguyên. Chi phí giảm là nguyên nhân khiến lợi nhuận Quý 3 tăng.

**HOSE** 27/10/2014 VNINDEX 580.79 -10.72 -1.81% 104,193,902 CP 1,754.49 bil VND

### Đà giảm lan rộng, chỉ số 2 sàn mất điểm mạnh

"VN-Index giảm 10.71 điểm (-1.81%), đóng cửa tại mức 580,80 điểm. VN-Index hình thành cây nến đỏ, thân nến dài, VN-Index giảm điểm mạnh và lùi sâu về vùng MA200, đây là mốc hỗ trợ rất mạnh của chỉ số này.

- MACD tiếp tục sụt giảm mạnh. Điều này cho thấy lo ngại về việc VN-Index tiếp tục giảm điểm vẫn còn.
- Stochastic Oscillator lao dốc mạnh. Và sắp đi vào vùng quá bán.
- RSI (14) sụt giảm xuống mốc 33.
- VN-Index tiếp tục phá vỡ các mốc hỗ trợ và lùi về vùng MA200."



### HOSE Top 5 theo KLGD

ITA	-0.4 (-4.7%)	6,687,130
OGC	-0.7 (-6.4%)	6,552,110
FLC	-0.4 (-3.6%)	6,420,490
KBC	-0.5 (-3.2%)	4,709,130
HQC	-0.5 (-6.8%)	4,614,990

### HOSE Top 5 theo % tăng

BT6	0.6 (7.0%)	9,580
EVE	1.5 (6.7%)	7,840
CCI	0.8 (6.5%)	4,620
VNS	2.9 (6.3%)	13,690
HAX	0.5 (6.3%)	10,730

### HOSE Top 5 theo % giảm

VIP	-1 (-7.0%)	452,790
PXS	-2.2 (-7.0%)	929,800
VNH	-0.3 (-7.0%)	42,420
HAI	-3.4 (-6.9%)	244,230
PXT	-0.4 (-6.9%)	129,480

### HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

CSM	8,5 tỷ	185,000
KDC	6,5 tỷ	108,340
HSG	6,3 tỷ	128,950
OGC	4,4 tỷ	401,000
BMI	4,3 tỷ	256,000

### HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

VIC	-13,3 tỷ	279,730
HAG	-8,7 tỷ	352,530
DPM	-5,7 tỷ	186,500
MSN	-5,0 tỷ	62,160
HPG	-4,9 tỷ	90,370

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	-45,350	7.32

### Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ TT tiếp tục chịu tác động khá xấu khi đã bán gia tăng, sau phiên sáng có phần cầm chừng thì đã bán tháo xuất hiện mạnh ở phiên chiều.
- ▶ KLGD gia tăng nhẹ và đạt 99 triệu. Điểm đáng chú ý là khối lượng lại thấp hơn bình thường với một mức sụt giảm mạnh của VN-Index.
- ▶ Khối ngoại mua ròng nhẹ với giá trị 7,3 tỷ. Việc khối này ngừng bán ròng sẽ giúp ít khá nhiều cho VN-Index trong giai đoạn này.
- ▶ VN-Index giảm về vùng hỗ trợ mạnh MA200. Nếu chỉ số này tiếp tục phá vỡ ngưỡng này tương đương với 580 điểm thì rủi ro giảm điểm vẫn tiếp diễn.
- ▶ NĐT cần dừng các quyết định mua nếu VN-Index phá vỡ ngưỡng MA200 tương đương 580 điểm. Chờ thị trường cân bằng trở lại mới tiếp tục giải ngân.

### HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	104.0	197,080.00	17.0	5.6	33.6%	23.2%
VNM	1,000.1	104.0	104,012.33	17.3	4.8	34.1%	27.1%
VCB	2,665.0	26.0	69,290.53	15.4	1.4	10.6%	1.0%
VIC	1,430.0	46.9	67,065.00	14.1	2.5	27.6%	6.2%
MSN	735.8	78.5	57,760.94	-1,447.8	4.1	-0.3%	-0.1%
CTG	3,723.4	14.1	52,500.00	9.1	1.0	10.7%	1.0%
BID	2,811.2	12.6	35,421.15	9.1	1.1	12.3%	0.7%
PVD	303.0	88.5	26,818.77	11.8	2.3	22.7%	10.7%
HPG	481.9	53.0	25,541.13	9.4	2.5	28.3%	12.8%
BVH	680.5	37.1	25,245.49	21.4	2.2	10.2%	2.1%

### HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

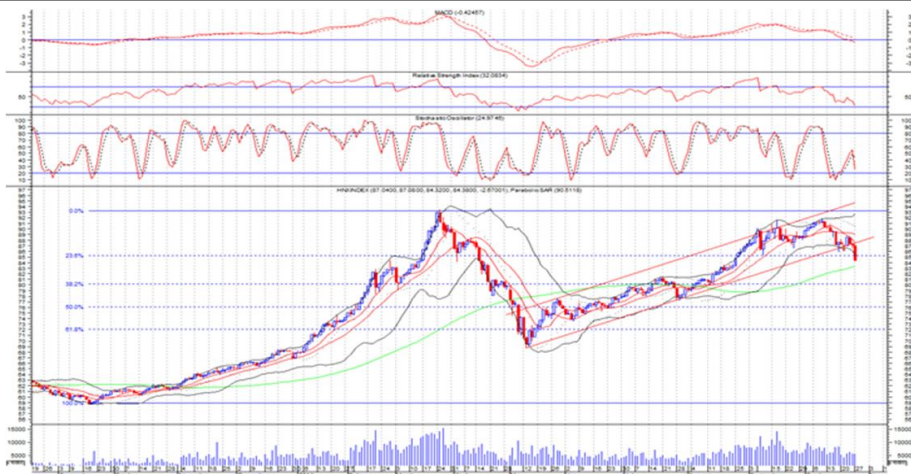
Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PVT	255.9	16.1	4,119.31	18.1	1.4	NA	TH.DOI
FPT	343.9	48.7	16,747.65	10.8	2.3	NA	TH.DOI
CII	115.5	18.4	2,125.70	7.3	1.3	NA	TH.DOI
BMP	45.5	65.0	2,956.10	8.5	2.0	NA	TH.DOI
NHS	60.8	11.0	668.25	4.0	0.7	NA	TH.DOI
FDC	27.6	19.7	543.92	2.3	0.9	NA	TH.DOI

**HNX** 27/10/2014 HNX-Index 84.38 -2.67 -3.07% 58,629,605 CP 780.99 bil. VND

### Đà giảm lan rộng, chỉ số 2 sàn mất điểm mạnh

Chỉ số HNX-Index giảm 2.67 điểm (-3.07%), đóng cửa tại mốc 84.38 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến đỏ với thân nến dài, HNX-Index phá vỡ trend tăng trung hạn, sự lo ngại đang lớn dần lên.

- Chỉ báo Stochastic Oscillator sụt giảm mạnh và sau đi vào vùng quá bán.
- MACD tiếp tục sụt giảm khá mạnh.
- RSI (14) giảm về mốc 32.
- HNX-Index liên tục phá vỡ các mốc hỗ trợ quan trọng.



### HNX Top 5 theo KLGD

PVX	-0.3 (-5.2%)	8,135,530
KLF	-0.8 (-6.9%)	7,354,360
SCR	-0.5 (-5.1%)	3,694,300
PVS	-2.6 (-6.4%)	3,242,430
SHS	-0.6 (-5.3%)	3,015,340

### HNX Top 5 theo % tăng

HNM	1.4 (10.0%)	225,500
DNP	2.2 (10.0%)	1,450
NGC	2.6 (9.9%)	16,600
SDP	1 (9.9%)	258,500
BTH	0.7 (9.7%)	300

### HNX Top 5 theo % giảm

KHL	-0.4 (-10.0%)	71,400
NHC	-3.2 (-10.0%)	100
S12	-0.6 (-10.0%)	100
VCS	-2.9 (-9.8%)	354,510
CVT	-3.4 (-9.8%)	159,400

### HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

IVS	0,8 tỷ	70,000
QTC	0,4 tỷ	15,000
KKC	0,3 tỷ	15,000
THB	0,3 tỷ	10,700
VAT	0,2 tỷ	20,800

### HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

PVS	-24,7 tỷ	631,900
VND	-7,0 tỷ	446,700
SHB	-1,1 tỷ	134,800
APS	-0,3 tỷ	45,000
HPC	-0,2 tỷ	50,000

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	-1,137,092	- 31.11

### Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ TT tiếp tục chịu tác động khá xấu khi đã bán gia tăng, sau phiên sáng có phần cầm chừng thì đã bán tháo xuất hiện mạnh ở phiên chiều.
- ▶ KLGD gia tăng nhẹ và đạt 56 triệu. Điểm đáng chú ý là khối lượng lại thấp hơn bình thường với một mức sụt giảm mạnh của chỉ số Index.
- ▶ Khối ngoại bán ròng với giá trị 31 tỷ. Lượng mua tập trung nhiều ở các mã IVS, trong khi bán nhiều ở PVS, VND.
- ▶ HNX-Index phá vỡ kênh tăng giá trung hạn, rủi ro giảm điểm của HNX-Index vẫn còn. Ngưỡng hỗ trợ tiếp theo của chỉ số này là vùng MA100 tương đương 83 điểm.
- ▶ NĐT cần dừng các quyết định mua nếu VN-Index phá vỡ ngưỡng MA100 tương đương 83 điểm. Chờ thị trường cân bằng trở lại mới tiếp tục giải ngân.

### HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
PVS	446.7	38.0	16,974.62	10.2	2.2	21.7%	7.1%
ACB	909.8	15.1	13,737.69	20.4	1.2	5.4%	0.4%
SQC	107.3	80.0	8,583.92	69.5	8.5	-10.4%	-8.0%
SHB	886.1	8.3	7,354.49	8.9	0.7	8.2%	0.7%
VCG	441.7	11.7	5,168.01	9.7	1.0	10.4%	2.4%
OCH	200.0	24.9	4,980.00	82.3	2.5	2.8%	1.5%
PVI	225.2	18.1	4,075.36	14.1	0.7	4.7%	1.9%
NTP	56.3	46.6	2,625.41	7.0	2.0	22.9%	15.2%
VNR	131.1	19.6	2,569.09	8.6	0.8	12.7%	5.7%
LAS	77.8	31.0	2,412.79	6.9	1.9	25.6%	14.6%

### HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	34.2	1,299.60	8.5	1.5	NA	TH.DOI
AAA	39.6	15.2	601.92	6.5	0.5	NA	TH.DOI
VND	100.0	15.3	1,529.98	12.3	1.2	NA	TH.DOI
NTP	56.3	46.6	2,625.41	7.0	2.0	NA	TH.DOI
PVC	50.0	29.0	1,450.00	9.3	1.8	NA	TH.DOI
DXP	7.9	42.5	334.69	8.1	1.5	NA	TH.DOI

**FTSE Vietnam (UCITS ETF)**

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDBQ (10 ngày)	KLGDBQ (1 tháng)	KLGDBQ (3 tháng)
VIC	HOSE	1,430.0	67,065.00	15.75%	46.9	14.06	2.53	1,903,603	2,268,995	2,074,220
HPG	HOSE	481.9	25,541.13	13.53%	53.0	9.38	2.47	841,423	708,129	842,556
PVD	HOSE	303.0	26,818.77	11.69%	88.5	11.82	2.27	841,996	600,137	563,165
MSN	HOSE	735.8	57,760.94	11.42%	78.5	#####	4.12	301,890	195,766	269,587
HAG	HOSE	789.9	18,799.60	8.11%	23.8	10.29	1.33	3,608,958	4,771,658	3,686,123
STB	HOSE	1,142.5	20,565.21	6.47%	18.0	7.54	1.32	400,087	391,393	403,729
VCB	HOSE	2,665.0	69,290.53	5.75%	26.0	15.36	1.38	230,835	418,524	484,684
DPM	HOSE	379.9	11,322.04	4.79%	29.8	9.09	1.29	553,020	541,947	1,135,269
ITA	HOSE	718.9	5,823.14	2.96%	8.1	65.87	0.78	4,859,604	7,114,774	7,494,317
KBC	HOSE	389.8	5,924.35	2.57%	15.2	26.79	1.22	4,750,704	5,741,547	3,812,271
BVH	HOSE	680.5	25,245.49	2.30%	37.1	21.38	2.24	203,480	220,999	235,199
HSG	HOSE	96.3	4,623.03	2.06%	48.0	14.67	2.11	550,693	597,310	328,267
GMD	HOSE	116.1	3,728.03	1.83%	32.1	7.75	0.81	531,027	834,629	734,959
PPC	HOSE	318.2	7,253.93	1.68%	22.8	15.61	1.55	343,218	331,062	673,796
HVG	HOSE	132.0	3,920.39	1.56%	29.7	34.50	1.58	1,797,173	2,016,841	1,723,974
CSM	HOSE	67.3	2,981.04	1.50%	44.3	8.81	2.42	195,998	206,621	264,565
PVT	HOSE	255.9	4,119.31	1.48%	16.1	18.13	1.36	1,777,852	2,109,536	2,295,113
DRC	HOSE	83.1	4,735.21	1.48%	57.0	14.18	3.42	142,901	128,387	189,804
VSH	HOSE	206.2	2,928.63	1.31%	14.2	13.97	1.09	482,052	450,495	695,851
DIG	HOSE	178.7	2,377.29	1.01%	13.3	66.18	0.82	1,009,769	1,423,242	867,344
OGC	HOSE	300.0	3,060.00	0.76%	10.2	40.24	1.03	6,091,580	5,831,607	3,978,353

Công ty quản lý  
Chỉ số tham chiếu

**DB Platinum Advisors**  
**FTST Vietnam Index**

Ngày lập quỹ **15/01/2008**  
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**  
TGTTSQL **361 mil.**

**Market Vectors Vietnam ETF**

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDBQ (10 ngày)	KLGDBQ (1 tháng)	KLGDBQ (3 tháng)
VIC	HOSE	1,430.0	67,065.00	8.28%	46.9	14.06	2.53	1,903,603	2,268,995	2,074,220
MSN	HOSE	735.8	57,760.94	8.09%	78.5	#####	4.12	301,890	195,766	269,587
VCB	HOSE	2,665.0	69,290.53	6.66%	26.0	15.36	1.38	230,835	418,524	484,684
STB	HOSE	1,142.5	20,565.21	6.34%	18.0	7.54	1.32	400,087	391,393	403,729
PVS	HNX	446.7	16,974.62	5.45%	38.0	10.23	2.17	3,080,692	3,178,956	3,922,348
BVH	HOSE	680.5	25,245.49	4.54%	37.1	21.38	2.24	203,480	220,999	235,199
DPM	HOSE	379.9	11,322.04	4.18%	29.8	9.09	1.29	553,020	541,947	1,135,269
PVD	HOSE	303.0	26,818.77	4.04%	88.5	11.82	2.27	841,996	600,137	563,165
HAG	HOSE	789.9	18,799.60	3.68%	23.8	10.29	1.33	3,608,958	4,771,658	3,686,123
ITA	HOSE	718.9	5,823.14	2.96%	8.1	65.87	0.78	4,859,604	7,114,774	7,494,317
PPC	HOSE	318.2	7,253.93	2.75%	22.8	15.61	1.55	343,218	331,062	673,796
FLC	HOSE	314.9	3,337.88	2.56%	10.6	8.09	0.79	9,453,115	11,560,232	15,602,147
SHB	HNX	886.1	7,354.49	2.53%	8.3	8.91	0.71	5,244,051	5,445,898	4,920,394
VCG	HNX	441.7	5,168.01	2.03%	11.7	9.65	0.99	1,257,541	1,489,624	1,324,841
OGC	HOSE	300.0	3,060.00	1.69%	10.2	40.24	1.03	6,091,580	5,831,607	3,978,353
PVT	HOSE	255.9	4,119.31	1.61%	16.1	18.13	1.36	1,777,852	2,109,536	2,295,113
DRC	HOSE	83.1	4,735.21	0.95%	57.0	14.18	3.42	142,901	128,387	189,804
IJC	HOSE	274.2	3,509.69	0.62%	12.8	22.71	1.30	642,329	730,759	1,868,592
PVX	HNX	400.0	2,200.00	0.00%	5.5	- 1.87	3.13	7,463,231	8,583,612	9,800,247

Công ty quản lý  
Chỉ số tham chiếu

**Van Eck Global**  
**Market Vector Vietnam Index**

Ngày lập quỹ **08/11/2009**  
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**  
TGTTSQL **439.5 mil.**

**MSCI Frontier Market Index ETF**

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDBQ (10 ngày)	KLGDBQ (1 tháng)	KLGDBQ (3 tháng)
VIC	HOSE	1,430.0	67,065.00	0.00%	46.9	14.06	2.53	1,903,603	2,268,995	2,074,220
MSN	HOSE	735.8	57,760.94	0.00%	78.5	#####	4.12	301,890	195,766	269,587
DPM	HOSE	379.9	11,322.04	0.00%	29.8	9.09	1.29	553,020	541,947	1,135,269
HAG	HOSE	789.9	18,799.60	0.00%	23.8	10.29	1.33	3,608,958	4,771,658	3,686,123
VCB	HOSE	2,665.0	69,290.53	0.00%	26.0	15.36	1.38	230,835	418,524	484,684
STB	HOSE	1,142.5	20,565.21	0.00%	18.0	7.54	1.32	400,087	391,393	403,729
BVH	HOSE	680.5	25,245.49	0.00%	37.1	21.38	2.24	203,480	220,999	235,199
CTG	HOSE	3,723.4	52,500.00	0.00%	14.1	9.07	0.99	279,988	267,979	350,928
GAS	HOSE	1,895.0	197,080.00	0.00%	104.0	17.03	5.58	583,289	516,300	417,350

Công ty quản lý **Royal Bank of Scotland** Ngày lập quỹ **19/09/2011** SLCKVN **9/142**  
 Chỉ số tham chiếu **MSCI Frontier Markets Index** Ngày lập chỉ số **30/11/2007** TGTTSQL **22.25 mil.**

**iShares MSCI Frontier 100 Index Fund**

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDBQ (10 ngày)	KLGDBQ (1 tháng)	KLGDBQ (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	57,760.94	0.88%	78.5	#####	4.12	301,890	195,766	269,587
VIC	HOSE	1,430.0	67,065.00	0.56%	46.9	14.06	2.53	1,903,603	2,268,995	2,074,220
STB	HOSE	1,142.5	20,565.21	0.31%	18.0	7.54	1.32	400,087	391,393	403,729
VCB	HOSE	2,665.0	69,290.53	0.24%	26.0	15.36	1.38	230,835	418,524	484,684
DPM	HOSE	379.9	11,322.04	0.15%	29.8	9.09	1.29	553,020	541,947	1,135,269
BVH	HOSE	680.5	25,245.49	0.08%	37.1	21.38	2.24	203,480	220,999	235,199

Công ty quản lý **iShares** Ngày lập quỹ **12/09/2012** SLCKVN **6/102**  
 Chỉ số tham chiếu **MSCI Frontier 100 Index** Ngày lập chỉ số **30/11/2007** TGTTSQL **519.45 mil.**

**iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF**

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDBQ (10 ngày)	KLGDBQ (1 tháng)	KLGDBQ (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý **iShares** Ngày lập quỹ **01/12/2010** SLCKVN  
 Chỉ số tham chiếu **MSCI VN Investable Market Indx** Ngày lập chỉ số **01/12/2010** TGTTSQL **4,752.96 mil.**

27 October 2014

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
<b>Hóa chất &amp; Tài nguyên cơ bản</b>					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	7,202	6.7	0.9	13.3%	8.8%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	20,087	9.3	1.5	15.9%	10.8%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	2,835	27.1	0.9	3.5%	1.6%
Sản xuất giấy	862	7.4	0.9	12.7%	6.8%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	37,763	15.9	2.1	20.4%	9.3%
Khai khoáng					
Khai thác than	1,952	3.6	1.0	22.0%	5.2%
Khai khoáng	12,299	102.9	6.3	-4.1%	-3.4%
<b>Xây dựng và vật liệu</b>					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	24,532	14.8	1.5	13.4%	7.6%
Xây dựng	31,955	77.6	1.2	-2.1%	1.8%
<b>Hàng và dịch vụ công nghiệp</b>					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,209	9.4	1.2	16.0%	8.0%
Công nghiệp phức hợp	1,249	8.2	1.3	16.6%	12.4%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,380	6.5	0.9	12.8%	5.9%
Thiết bị điện	2,118	38.7	1.1	2.8%	0.5%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	46	15.1	0.6	4.1%	2.9%
Máy công nghiệp	8,546	9.0	1.3	15.0%	10.2%
Vận tải					
Vận tải thủy	9,664	3.3	1.1	4.1%	1.2%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	11,019	8.7	1.5	18.9%	13.7%
Dịch vụ vận tải	6,345	8.0	1.6	19.2%	11.9%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	4,812	11.7	1.5	16.9%	8.1%
Đào tạo & Việc làm	257	10.2	0.8	8.7%	3.1%
Nhà cung cấp thiết bị	187	7.6	0.8	12.5%	4.9%
Chất thải & Môi trường	180	2.7	0.8	34.0%	16.2%
<b>Ô tô và Phụ tùng</b>					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	2,126	16.6	1.2	12.0%	5.8%
Lốp xe	8,592	11.2	2.9	25.4%	10.9%
<b>Thực phẩm và đồ uống</b>					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,596	7.7	1.3	16.6%	9.0%
Vang & Rượu mạnh	331	14.8	2.3	17.1%	10.7%
Đồ uống & giải khát	232	6.5	1.2	14.6%	9.7%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	20,749	11.5	1.8	17.7%	6.4%
Thực phẩm	195,665	23.9	4.1	20.6%	16.2%
<b>Hàng cá nhân và gia dụng</b>					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	76	21.4	0.9	4.4%	3.2%
Thiết bị gia dụng	2,647	9.1	1.4	14.9%	7.3%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	623	39.4	1.6	3.8%	2.6%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	3,442	8.8	1.7	18.8%	7.2%
Giày dép	10	1.4	0.6	-33.3%	-19.0%
Hàng cá nhân	5,895	11.1	2.0	17.8%	9.1%
Thuốc lá					
Thuốc lá	698	8.1	1.0	1.1%	4.1%

27 October 2014

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
<b>Y tế</b>					
Thiết bị và dịch vụ y tế					
Thiết bị y tế	1,056	17.2	1.0	6.4%	3.7%
Dụng cụ y tế	162	3.4	1.7	36.6%	16.5%
Dược phẩm					
Công nghệ sinh học	198	9.1	1.2	13.4%	9.8%
Dược phẩm	15,263	11.0	2.8	22.6%	14.9%
<b>Bán lẻ</b>					
Phân phối thực phẩm và dược					
Phân phối thực phẩm	258	41.0	0.8	-2.0%	-0.6%
Bán lẻ					
Bán lẻ phức hợp	705	10.8	1.1	13.0%	7.7%
Phân phối hàng chuyên dụng	2,956	10.4	1.8	18.4%	3.6%
<b>Truyền thông, Du lịch và Giải trí</b>					
Truyền thông					
Dịch vụ truyền thông	10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa	1,127	10.5	1.0	9.3%	6.7%
Du lịch và giải trí					
Hàng không	-	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!
Khách sạn	5,569	71.4	2.5	2.8%	1.7%
Dịch vụ giải trí	3,457	19.4	1.2	12.0%	10.2%
Vận tải hành khách & Du lịch	2,820	19.1	3.7	23.5%	20.3%
<b>Viễn Thông &amp; Công nghệ thông tin</b>					
Viễn thông cố định					
Viễn thông cố định	68	15.9	0.5	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính					
Dịch vụ máy tính	755	18.1	1.0	5.6%	2.0%
Internet	318	67.1	0.8	1.1%	0.2%
Phần mềm	17,397	10.8	2.2	21.5%	9.2%
Thiết bị và phần cứng					
Phần cứng	491	16.1	0.8	4.5%	1.7%
Thiết bị văn phòng	312	5.3	1.1	22.4%	17.1%
Thiết bị viễn thông	13,879	35.9	5.1	34.5%	11.6%
<b>Điện nước, xăng dầu và khí đốt</b>					
Sản xuất & phân phối điện					
Sản xuất & phân phối điện	26,878	12.4	1.4	11.7%	6.3%
Nước & khí đốt					
Phân phối xăng dầu & khí đốt	203,725	16.6	5.4	33.1%	22.6%
Nước	1,267	6.8	1.1	16.8%	11.2%
<b>Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản</b>					
Bảo hiểm phi nhân thọ					
Bảo hiểm phức hợp	1,364	7.8	1.0	11.6%	3.6%
Bảo hiểm phi nhân thọ	6,806	12.2	0.7	6.4%	2.6%
Tái bảo hiểm	2,713	8.6	0.8	12.7%	5.7%
Bảo hiểm nhân thọ					
Bảo hiểm nhân thọ	26,130	21.4	2.2	10.2%	2.1%
Dịch vụ tài chính					
Tài chính đặc biệt	3,480	42.0	1.1	2.7%	0.9%
Môi giới chứng khoán	27,836	12.9	1.7	10.4%	7.6%
Ngân hàng					
Ngân hàng	234,840	10.9	1.1	10.6%	0.9%
Bất động sản					
Bất động sản	196,442	18.5	5.1	24.6%	5.8%
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản	10	2.5	0.7	32.7%	12.3%
<b>Dầu khí</b>					
Thiết bị, dịch vụ và phân phối					
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	48,956	11.0	2.2	22.5%	9.4%



- ▶ **Nguyễn Hữu Quang**      **Giám đốc Nghiên cứu & Tư vấn Đầu tư**  
quangnh@vietinbanksc.com.vn
- ▶ **Trịnh Thị Thu Phương**      thuphuong@vietinbanksc.com.vn  
- Tổng hợp thông tin vĩ mô
- ▶ **Nguyễn Thu Hằng**      hangnnt@vietinbanksc.com.vn  
- Ngân hàng  
- Dược phẩm  
- Phân bón  
- Nước giải khát
- ▶ **Nguyễn Quang Sắc**      sacnq@vietinbanksc.com.vn  
- Phân tích kỹ thuật  
- Nhận định, bình luận thị trường
- ▶ **Vũ Ánh Nguyệt**      nguyetva@vietinbanksc.com.vn  
- Cao su  
- Thủy sản  
- Dệt may  
- Mía đường

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.